

859.922 334

ĐC

B 312 NG

Nguyễn Q. Thắng

BÌNH NGUYỄN LỘC

với hương gió
Đồng Nai



vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC



Tác giả: **Nguyễn Q. Thắng**

Tên thật: Nguyễn Quyết Thắng

Sinh năm Kỉ Mão (1940) tại Trường Xuân, Quảng Nam.

- Thuở nhỏ giữ trâu làm ruộng [nhà] ở quê, đã học xong các chương trình: Tú tài, Cử nhân, Cao học, Tiến sĩ (1975).

Từng là giảng sư ở các trường Đại học Văn khoa, Sư phạm (Cần Thơ), Đại học Vạn Hạnh, Đại học sư phạm Sài Gòn (TP.HCM).

Tác giả nhiều công trình biên khảo Văn học, Sử học,...

Nguyễn Q. Thắng

895.922 334
L 312 IV 6

BÌNH NGUYÊN LỘC
với
HƯƠNG GIÓ ĐỒNG NAI

THƯ VIỆN
TỈNH ĐỒNG NAI

2018/BC/VV 00001315

NXB VĂN HỌC

*Bình Nguyên Lộc
với Hương gió Đồng Nai*



Bình Nguyên Lộc (hình chụp năm 1947)

Dẫn

Những trang sau là một vài suy nghĩ, cảm thức của chúng tôi về nhà văn của xứ Đồng Nai đất đỏ và của Sài Gòn nắng cháy năm xưa và gần đây.

Bình Nguyên Lộc (Nai Đồng Bằng) là một nhà văn cần cù, siêng năng. Ông là tác giả gần một ngàn truyện ngắn, bút kí và nhiều tiểu thuyết, nghiên cứu cổ sử, dân tộc học, ngôn ngữ học mà cho đến nay vẫn vắng bóng trong sinh hoạt văn chương, học thuật Việt Nam hiện đại.

Nhận thấy sự thiếu vắng này, trước đây, (2001) chúng tôi đã giới thiệu ông một phần trong Tuyển tập Bình Nguyên Lộc⁽¹⁾ từ ngày ông có mặt trên văn đàn Việt Nam. Các trang viết của ông khởi đi từ ngày tiễn nhân ta vai vác cày, tay dắt trâu, bò, mang guom giáo đi mở cõi cho đến gần đây; tuy vậy với tuyển tập trên, chúng tôi vẫn chưa giới thiệu đầy đủ, rớt ráo về nhà văn này.

Nay chúng tôi rút tía và bổ sung một số nhận định của chúng tôi thành một tập tiểu luận nhỏ với nhan đề Bình Nguyên Lộc với hương gió Đồng Nai. Tập sách sẽ đề cập về nhà văn, học giả Tô Văn Tuấn (BNL) một cây bút của văn học Việt Nam nơi xứ Đàng Trong thời

(1) Nguyễn Q. Thắng, *Tuyển tập Bình Nguyên Lộc*, NXB Văn học, 2001 (4 tập)

hiện đại mà cũng là một chứng nhân của đoàn người di dân lập ấp trên đường mở sinh lộ vào phương Nam.

Bút lực của con Nai Đồng bằng (BNL) miền Đông này rất sung mãn với bao suy tư, ray rứt về đất nước và con người nơi miền đất mới muôn nơi và muôn thuở. Những nỗi ưu tư của ông luôn hiện hữu suốt hành trình sáng tác, nghiên cứu của cá nhân mình. Không những ở từng trang tiểu thuyết, truyện ngắn, bút kí... mà rộng hơn, sâu hơn về hồn quê, hồn nước cũng như nguồn gốc, tiếng nói dân tộc Việt Nam⁽¹⁾.

Đó là nỗi bận tâm lớn của Bình Nguyên Lộc về đất nước, con người, tình cảm... của đoàn người di dân từ cõi ngoài vào phương Nam mở cõi, nay đã hơn 300 năm (1698–2010) để có mặt tại đất Bến Nghé xưa và Sài Gòn gần đây.

Độc giả thường thức, suy gẫm những ray rứt, bận tâm về nỗi nhớ làng, nhớ quê, nhớ nước, nhớ cội nguồn dân tộc của Bình Nguyên Lộc có thể chưa hài lòng quý vị. Đó có lẽ là do hạn chế về tính cách giám thức văn chương của chúng tôi, nhưng trách nhiệm văn học vẫn thuộc về tác giả sách này.

Gia Định tiết lập xuân Canh dần (2010)

NQT

(1) Bình Nguyên Lộc, – *Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam*, Bách Bộc xuất bản, 1971, Sài Gòn.

– *Lột trần Việt ngữ*, Nguồn xưa xuất bản, 1972, Sài Gòn

I - Tiểu truyện Văn học

Bình Nguyên Lộc (1914–1987) là *Nhà văn lớn* Nam Bộ, tên thật là Tô Văn Tuấn, sinh ngày 7 tháng 3 năm 1914 tại làng Tân Uyên, tổng Chánh Mỹ Trung, tỉnh Biên Hòa (nay thuộc thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương). Con trai ông Tô Phương Sâm (1878-1970) và bà Dương Thị Mão (1879-1971). Ngoài bút hiệu trên, ông còn kí các bút danh: Phong Ngạn, Hồ Văn Huấn.

Bình Nguyên Lộc xuất thân trong một gia đình nông lâm nghiệp, thuở nhỏ học chữ Hán với một thầy đồ ở làng, Tiểu học Pháp Việt ở quê. Năm 1928 xuống Sài Gòn học Trung học tại trường Pétrus Ký (nay là trường Lê Hồng Phong). Đậu Tú tài phần thứ nhất niên khóa 1933-1934 nhằm lúc kinh tế khủng hoảng nên không tiếp tục học được nữa.

Năm 1934 về quê lập gia đình với cô Dương Thị Thiệt (1916-1988) rồi làm công chức kho bạc tỉnh Thủ Dầu Một (nay là tỉnh Bình Dương), năm 1936 đổi về Sài Gòn làm nhân viên kế toán ở Tổng nha Ngân khố Sài Gòn. Thời gian này ông bắt đầu tham gia hoạt động văn nghệ tại đây. Truyện ngắn đầu tay có tên là *Phù Sa* đăng đầu tiên

trên tạp chí *Thanh Niên* của KTS Huỳnh Tấn Phát (1913-1989), quen thân với các vị trong báo Thanh Niên: Xuân Diệu (1916-1985), Huy Cận (1919-2007), Nguyễn Hoàng Tư (...-1946), Lâm Thao Huỳnh Văn Phương (... -1946), Dương Tử Giang Nguyễn Tấn Sĩ (1918-1956), Bằng Văn Nguyễn Đình Thản (... - 1947), Trang Thế Hy (1924-...) ở Sài Gòn từ năm 1943.

Truyện ngắn trên viết về công cuộc Nam tiến của tiền nhân ta trên đường mở sinh lộ vào miền đất mới - Nam Kỳ. Vào thời điểm này ông hoàn tất tác phẩm *Hương gió Đồng Nai* (khởi thảo từ năm 1935) là tác phẩm đầu tay của ông. Đây là một tập truyện ngắn và tùy bút bát ngát hương đồng gió nội đất Đồng Nai. Tác phẩm đầu tay này được Xuân Diệu, Huy Cận và vài nhà văn khác tán thưởng, nhưng sau đó bị thất lạc trong kháng chiến chống Pháp.

Năm 1944, ông bị bệnh thần kinh gần một năm, đến năm 1945 bỏ đời sống công chức. Cùng năm này (1945) ông tản cư về quê ở Tân Uyên, tham gia kháng chiến tại miền Đông Nam Bộ và là thành viên Hội Văn hóa Cứu quốc tỉnh Biên Hòa (Tân Uyên lúc đó thuộc tỉnh Biên Hòa). Sau khi mặt trận Sài Gòn, Biên Hòa vỡ (1946), ông hồi cư về Lái Thiêu (nay thuộc tỉnh Bình Dương) làm công tác văn hóa tại địa phương. Năm 1949 xuống Sài Gòn sống với nghề viết văn, làm báo cho đến cuối đời.

Năm 1950, ông viết cuốn *Nhốt gió* và xuất bản cùng năm, từ năm 1952 đến năm 1956 làm thư kí tòa soạn cho một số tờ báo xuất bản tại Sài Gòn. Vào những năm 1945-

1947 bệnh cũ tái phát gây khủng hoảng tinh thần, nên không có tác phẩm nào ra đời.

Năm 1958, ông chủ trương tuần báo *Vui Sống*. Đây là một tuần báo văn nghệ có khuynh hướng về y tâm bệnh, nhằm áp dụng kiến thức y học phổ thông vào đời sống hiện hữu. Báo qui tụ được nhiều cây bút sáng giá từng đi kháng chiến về sinh hoạt ở nội thành thời đó, như Thanh Nghị Hoàng Trọng Quý (1917-1988), Lê Thương Ngô Đình Hộ (1914-1996), Thiếu Sơn Lê Sĩ Quý (1908-1978), Đông Hồ Lâm Tấn Phác (1906-1969)... Từ đó ông làm báo, viết sách liên tục trong một khoảng thời gian dài và đến các năm 70 ông có một lượng sách đáng kể. Nhất là tác giả *cả ngàn truyện ngắn* (1.000 truyện) và cả chục quyển biên khảo về văn học, nhân chủng và ngôn ngữ học (xem thư mục) và tiếp tục làm báo, viết văn ở Sài Gòn (1949-1975).

Sau ngày thống nhất đất nước (1976) ông ngưng cầm bút vì bệnh nặng. Tháng 10 năm 1985, ông được gia đình bảo lãnh và nhà nước Việt Nam cho phép sang Hoa Kỳ chữa bệnh.

Đến ngày 7-3-1987 ông từ trần tại Rancho Cordova thuộc quận Sacramento, bang California (Hiệp chủng quốc Hoa Kỳ), thọ 74 tuổi.

Vợ ông (bà Dương Thị Thiệt) cũng qua đời vào ngày 9 tháng 10 năm 1988 cùng nơi với ông.

Ông có nhiều con, trong đó có trưởng nam là bác sĩ chuyên khoa tâm thần Tô Dương Hiệp, có lúc BS Hiệp làm Phó giám đốc bệnh viện tâm thần Nguyễn Văn Hoài Biên Hòa và mất trước năm 1975, cử nhân Tô Hòa Dương...

II - Con người và tác phẩm:

Bình Nguyên Lộc là một nhà văn lớn Việt Nam về cả số lượng lẫn chất lượng. Có thể nói ông là một nhà văn độc nhất Việt Nam có số truyện ngắn nhiều nhất. Theo tài liệu và qua công tác sưu tầm cho thấy ông là tác giả khoảng hơn *một ngàn truyện ngắn* in rải rác trên các báo và các tập truyện từ trước Cách mạng tháng Tám cho đến ngày ông qua đời (1987).

Về *lượng*, Bình Nguyên Lộc là nhà văn có số tác phẩm đồ sộ nhất so với các nhà văn tiền bối cũng như cùng thời. Nhưng về *chất* của mỗi tác phẩm - truyện ngắn - đều có nội dung phong phú, đa dạng; nếu không muốn nói là rất *độc đáo*. Mỗi chủ đề của từng truyện ngắn, tiểu thuyết, thơ ca, cho đến các công trình biên khảo đều mang một ý hướng, một chủ đề nhất định mà tác giả muốn gửi trao đến độc giả.

Từ khi hồi cư về Sài Gòn, ông chính thức sống bằng ngòi bút, được nhiều chủ báo mời làm chủ bút các nhật báo tại đây. Khi làm chủ bút, ông đã có nhiều sáng kiến trong việc trông nom bài vở cho một nhật báo thông tin thì “báo đó phải là một tờ báo cơ quan thông tin chuyên nghiệp”. Chính nhờ chủ trương đó mà báo ông phụ trách được đa số độc giả khen ngợi.⁽¹⁾

Năm 1960, ông cùng các văn thi hữu thành lập nhà xuất bản *Bến Nghé* chuyên xuất bản các tác phẩm văn chương mang hương sắc Đồng Nai, Bến Nghé. Hầu hết tác phẩm của nhà xuất bản này nhằm làm sống dậy cái sinh khí của miền đất mới, trong đó có *Gia Định xưa* và *Biên Hòa* (quê ông).

(1) Nguyễn Ngu Í. *Sống và viết với...* Ngòi Xanh xuất bản. 1966, Sài Gòn.

Những năm 60-70, ông vẫn làm báo (chủ bút nhiều nhật báo tại Sài Gòn) và sáng tác đều tay, hàng năm có đôi ba tác phẩm ra mắt công chúng độc giả.

Độc giả của Bình Nguyên Lộc hầu hết là đồng bào từng sống ở nông thôn, vì chiến tranh mới lưu lạc về sống tạm ở các đô thị. Thế cho nên bối cảnh, nhân vật, tâm tư, tình cảm của các nhân vật trong tác phẩm ông là những con người đều có liên hệ đến vận nước lúc đó. Chính vì vậy, khi tiếp xúc với các nhà văn kháng chiến dù ở nội thành hay chiến khu ông luôn luôn tự bộc bạch từ đáy lòng sâu thẳm: “Tôi vẫn là của các anh” như ông đã tâm sự với một nhà thơ ngoài chiến khu vào nội thành hồi năm 1970 ở Sài Gòn. Vì ý ông muốn nói: “Ông vẫn đứng về phía cách mạng” như nhà thơ Viễn Phương đã viết trên tạp chí *Kiến thức Ngày nay* vào tháng 10 năm 1997.⁽¹⁾ Nói như ông, Bình Nguyên Lộc tự nhận mình là người của kháng chiến Việt Nam. Thế cho nên, sau năm 1975, các nhà văn, nhà thơ Xuân Diệu, Huy Cận, Nguyễn Văn Bổng, Nguyễn Tuân... thường ghé thăm ông mỗi khi vào Sài Gòn công tác.

Năm 1961, tại Sài Gòn, trong bài phỏng vấn Bình Nguyên Lộc đăng trên tạp chí *Bách Khoa* (Sài Gòn), [sau in lại trong *Sống và viết với...* của Nguyễn Ngu Í, Ngòi Xanh xuất bản 1966] Nguyễn Ngu Í viết:

“Tôi mượn ở Ủy ban văn hóa Liên khu (V), để anh em xem mà đỡ nhớ Nam Bộ. Đó là một tờ tuần san xuất bản

(1) Viễn Phương. *Thương một nhánh mai* (Nhớ anh Bình Nguyên Lộc), tạp chí *Kiến thức ngày nay*, xuân Mậu Dần 1998, TPHCM. Viễn Phương (1928-2004) có lúc là chủ tịch Hội Văn nghệ TPHCM, chủ tịch ủy ban Liên hiệp Văn học Nghệ thuật TPHCM.

ở Sài Gòn, tờ *Thế giới* số 6, mà nhìn qua tôi đã vui rồi.

Sương nắng mở lòng hoa

Sách mở thư trang Yiễm Yiễm,⁽¹⁾

thế là bậc đàn anh⁽²⁾ nay đã rời hồ Đông lên Bến Nghé, “mang theo” Yiễm Yiễm thư trang, lại Dương Tử Giang⁽³⁾ làm chủ bút, anh bạn phê bình này học cùng thầy với tôi,⁽⁴⁾ vui sướng giới thiệu một truyện ngắn của anh Bình Nguyên Lộc: “Trong năm nay, tôi chưa đọc một truyện ngắn nào hay hơn”. Tôi đọc ngấu ngiến truyện ngắn ấy của người bạn cũ đã cùng mình và một số bạn bè quây quần chung quanh tờ báo *Thanh Niên*⁽⁵⁾ ấy. Truyện *Không trốn nữa* giới thiệu người, cảnh và việc của mấy ngày đầu cuộc kháng chiến chống Pháp. Người bác sĩ ở Sài Gòn này (nhân vật chánh trong truyện), trong lúc tản cư, đã thềm từ miếng đường, miếng mỡ và toan trốn về thành. Nhưng rồi một hôm, ông trả lời được câu hỏi ông đặt ra, từ mười lăm năm về trước:

(1) *Thư trang Yiễm Yiễm* là tên nhà sách của thi sĩ Đông Hồ (1906-1969) và Yiễm Yiễm (1941-1996) là ái nữ của cố thi sĩ.

(2) *Bậc đàn anh* tức thi sĩ Đông Hồ (1906-1969) quê ở Hà Tiên, năm 1945 tham gia kháng chiến ở Hà Tiên, sau bị bệnh lên Sài Gòn làm báo và xuất bản sách.

(3) *Dương Tử Giang (1918-1956)*, tên thật là Nguyễn Tấn Sĩ quê ở Bến Tre, sau năm 1945 làm báo ở Sài Gòn, 1950 ra khu tham gia kháng chiến. Sau năm 1954 ông ở lại hoạt động ở nội thành bị địch giết năm 1956.

(4) *Tôi*: tức nhà văn Nguyễn Ngụ Í (Nguyễn Hữu Ngự 1923-1979) quê ở Hàm Tân, Bình Thuận, tham gia kháng chiến từ năm 1945 ở Hà Nội, sau vào Liên khu V ở Bình Định. Năm 1953 được chính quyền kháng chiến khu V cho phép về Sài Gòn chữa bệnh, sau năm 1954 làm báo, dạy học ở Sài Gòn, mất năm 1979.

Cùng thầy tức các vị này đều là học trò của giáo sư Phạm Thiều (1904-1986) cựu giáo sư trường Pétrus Kí Sài Gòn, cựu chủ tịch ủy ban hành chánh kháng chiến Sài Gòn, cựu đại sứ Việt Nam tại Cộng hòa Dân chủ Đức (cũ).

(5) Tuần báo *Thanh Niên* do kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát (1913-1989) làm chủ nhiệm ở Sài Gòn trong năm 1943.

tại sao mình tham ăn đến thế, và tham ăn đến những món không ngon, và cả một nhơn sinh quan sắn có của ông sụp đổ, và ông: “*Thôi, không thèm trốn về nữa*”.

Thế mà, anh sắp về Sài Gòn, tôi đoán qua lời kể của anh Dương Tử Giang, kể rằng anh từ Lái Thiêu xuống Sài Gòn để gởi bài ở tòa soạn. Anh mà có trở lại làm dân Sài Gòn, chẳng phải anh thèm về, hay anh trốn về, mà ở vào tình thế phải về.⁽¹⁾ Và cũng là hẳn, là đã, hay sẽ “ngập ngừng khi bước chân... về” như lời tâm sự của ông khi trao đổi với Nguyễn Ngu Í ở Sài Gòn trong năm 1965.

“Anh còn nhớ chăng? Bọn chúng mình đã mong chờ từ lâu ngày lịch sử ấy, ngày mà toàn dân đứng dậy giành độc lập. Và chúng mình đã đem hết lòng thành vào cuộc kháng Pháp. Nhưng rồi mình lọt vào cái thế phải về, mà trở về thành là mình cảm thấy xót xa như kẻ đào ngũ. Đối với dân tộc, mình như thấy có “tội” phần nào...” (Nguyễn Ngu Í, Sdd).⁽²⁾

Các tác phẩm chính của ông:

1. Nghiên cứu:

- *Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam* (1971), NXB Bách Bộc.
- *Lột trần Việt ngữ* (1972), NXB Nguồn Xưa.
- *Tự vưng đối chiếu 10 ngàn từ* (1971).

(1) *Tình thế phải về*: Bình Nguyên Lộc nguyên bị bệnh thần kinh từ năm 1944. Đến năm 1945-1946 bệnh tái phát, ở Tân Uyên, Lái Thiêu không có thầy, thuốc nên vào “tình thế phải về” Sài Gòn chữa bệnh, chứ trong thâm tâm ông là “*không thèm trốn về*” như truyện ngắn có tên *Không trốn nữa* đã viết ở trên.

(2) Nguyễn Ngu Í. *Sống và viết với...* Ngòi Xanh xuất bản. 1966, Sài Gòn.

- *Tự vịnh danh từ Mã Lai mà Trung Hoa vay mượn* (1972).

- *Mẫu hệ cổ Việt Nam, mẫu hệ Mã Lai và mẫu hệ thế giới* (bản thảo).

- *Vòm trời Đông Phố* (Giản Phố) (bản thảo).

Bình giải tác phẩm:

Cổ văn:

Chú giải các tác phẩm văn chương cổ điển Việt Nam.

- *Văn tế chiêu hồn* (Nguyễn Du)

- *Tiệc thay duyên Tấn phận Tần* (Nguyễn Du)

- *Tự tình khúc* (Cao Bá Nhạ)

- *Thu dạ lữ hoài ngâm* (Đình Nhật Thận)

- *Tì bà hành và Trường hận ca* (TrQ)

Các công trình này được công bố trên tạp chí văn học ở Sài Gòn trước năm 1975.

2. Dân tộc học - Cổ sử học

- *Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam*: (894 trang - 1971) là một công trình dài hơi trong sự nghiệp nghiên cứu của ông.

Tác phẩm cũng gây nên một dư luận đáng chú ý đối với các nhà nghiên cứu về Việt Nam học. Sách gồm các chương sau:

Chương I: Ba cuộc sa lầy

Chương II: Những sai lầm

A: Bắc và Trung Môngôlich

Chủng Nam Môngôlich thành hình

Bình Nguyên Lộc với hương gió Đồng Nai

B: Ta không phải Tàu

C: Bất tương đồng Hoa Việt

D: Nước Tây Âu mơ hồ và Tượng Quận bí mật

Chương III: Cổ Thục, Tây Âu và chi Thái

Chương IV: Mã Lai chủng

Chương V: Dấu vết Mã Lai trong xã hội Việt Nam

A. Trống đồng

B. Kiến trúc

C. Cái đình

D. Thờ mặt trời và âm dương vật

Đ. Đối chiếu chỉ số sọ

E. Ngôn ngữ tử hiệu

Chương VI: Chủng cực Nam Môngôlich của dân ta

Chương VII: Về cái Họ của Trung Hoa và Việt Nam

Chương VIII: Thượng Việt và người Mường

Chương IX: Sông Bộc, nhau rún thứ nhì của tổ tiên ta

Chương X: Làng Cùm sống dậy.

Chương XI: Phụ lục và kết luận

Sau đây, xin giới thiệu nội dung và dư luận về tác phẩm này.

Một công trình lớn:

Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam

Hồi cuối năm 1971 ở Sài Gòn, nhà văn Bình Nguyên Lộc đã làm cho nhiều người sửng sốt với một tác phẩm

đồ sộ về *Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam*⁽¹⁾. Thật ra, từ nhiều năm trước đây, qua những bài đăng ở các tuần báo hay tạp chí xuất bản ở Sài Gòn, tác giả cũng đã tỏ ra có chú ý đến lịch sử, nhất là có bài của ông “*Tiếng Tàu, tiếng thuần Việt, tiếng Hán Việt*”, trên nguyệt san *Tân Văn*⁽²⁾ có kèm theo một bảng ngôn ngữ đối chiếu. Như vậy, NGMLCDTVN chỉ là một trong những *bước chót* đi đến thành tựu chứ không phải là một *bước đầu* của tác giả trong địa hạt cổ Sử học.

Tác giả đã lập thuyết căn cứ trên chứng tích cụ thể của các khoa tiền sử học, chủng tộc học và ngôn ngữ tỉ hiệu; cộng thêm với nhiều quan sát riêng của mình. Muốn phê bình toàn diện cuốn sử của Bình Nguyên Lộc phải thông thạo đủ các khoa học trên. Có lẽ đó là lý do cất nghĩa sự thiếu vắng một bài phê bình toàn diện, kể cho đến nay (2009). Tuy nhiên, công việc có thể làm được là mỗi người đứng về phương diện chuyên môn của mình, phê bình một khía cạnh nào đó, mỗi người mở xẻ một góc của tác phẩm. Nhớ như trước đây cụ Ứng Hòe Nguyễn Văn Tố, một chuyên viên đãi sạm thời tiền chiến, nhưng cụ đã không còn nữa. Nhưng cuốn sử của Bình Nguyên Lộc vẫn hiện diện đó như một thách đố không những cho học giới trong nước mà cho cả ngoài nước nữa, nếu một mai nó được phiên dịch ra ngoại ngữ vì nội dung có liên hệ đến nguồn gốc của nhiều dân tộc ở Đông Á, Nam Á, Nam Dương (Indonésia) quần đảo, Trung Mĩ, Mã đảo (Madagascar).

Nếu cuốn sách của BNL là *Nguồn gốc Anh - đô - nê -*

(1) Bách Bộc xuất bản, 894 trang Sài Gòn 1971, sẽ viết tắt là NGMLCDTVN.

(2) số 14 tháng 6, 1969

diêng của người Việt Nam chẳng hạn, thì cái tựa ấy chẳng gây ngạc nhiên chút nào hết, cho nên có người cho rằng: “Cách dùng chữ rất kỳ. Tại sao lại dịch Indonésien là Mã Lai? Mã Lai, Gia Lai, Dayak, Khmer, v.v. và v.v. chỉ là những phần tử nhỏ trong một đại khối lớn. Nếu dùng chữ ngang tàng như thế thì chúng ta có thể viết nguồn gốc Mạ của người Đại Hòa Nhật Bản được.”⁽¹⁾

Có lẽ số người ngạc nhiên không ít vì hai chữ Mã Lai dễ khiến người ta nghĩ ngay đến liên bang Mã Lai (Malaysia) trên bán đảo Mã Lai. Thật ra, chúng tôi cũng chưa được đọc một tài liệu nào nói rằng dân tộc Việt Nam phát tích từ bán đảo Mã Lai. Người Mã Lai trên bán đảo chỉ là một chi của một đại chủng cũng gọi là Mã Lai xuất phát từ cao nguyên Tây Tạng, ở vùng núi Mã Lai (Hi Malaya = núi của người Malaya, *NGMLCDTVN*: tr 374).

Đúng ra, cũng không phải Bình Nguyên Lộc là người đầu tiên sáng tác ra cái vụ *Indonésien là Mã Lai* hay *cổ Mã Lai*, mà trước Bình Nguyên Lộc, cụ Ứng Hòe dịch một bài của G. Coedès có đoạn nói về “*bọn Mã lai (Indonésiens)*”⁽²⁾; Henri V. Vallois chú thích giữa hai dấu ngoặc đơn “*Race indonésienne (race nésiotte ou proto - malaise)*”⁽³⁾... Ngay trong cuốn sách giáo khoa địa lý thường của Pháp (class de cinquième, tương đương với lớp bảy của ta bây giờ), Etienne Fajon cũng viết “*Les Malai ou Indonésiens*”⁽⁴⁾ Trong tiểu luận *Văn hóa Việt Nam với Đông Nam Á*, GS

(1) Lam Giang, “Chim Hồng, Chim Lạc”, *Khởi Hành* số 150, 27-4-1972, tr. 3.

(2) “Văn hóa Đông Dương”, *Tri Tân* số 101, 1-7-1943, tr. 17.

(3) *Les races humaines*, Paris, P.U.F, 1944, tái bản năm 1960, tr. 77.

(4) Paris, Les éditions de l' école, 1953, tr. 205.



2018/ĐC/VV 00001315

Nguyễn Đăng Thục nói rõ hơn: “Những bộ tộc Mã Lai mệnh danh là Anh - đô - nê - diêng vào khoảng 2.500 đến 1.500 trước TC chính là tiên tổ các dân Miến, Xiêm, Việt, Mã Lai, Phi ngày nay.”⁽¹⁾

Anh - đô - nê - diêng là một thuật ngữ của khoa chủng tộc học, có nghĩa là Cổ Mã Lai. Còn tiếng Anh - đô - nê - diêng thông thường, dùng để chỉ người Nam Dương (Indonésia), bây giờ gọi là Anh - đô - xê - xi - a. Vì có sự lầm lẫn đó mà có người viết “giống Indonésien từ miền Đông tới Việt Nam.”

Hiểu rõ như vậy rồi tác giả mới mình xác việc sử dụng danh từ của mình: *“quyển sách nhỏ này có tham vọng là sách chuyên môn nhưng chúng tôi dùng danh từ thường là Cổ Mã Lai, chớ không nói Anh - đô - nê - diêng là một danh từ mà đại đa số dân ta chưa quen”* (tr. 16-17). Thật ra, thuật ngữ thường là Cổ Mã Lai không quen thuộc bằng thuật ngữ Anh - đô - nê - diêng mà các sách giáo khoa Sử học lớp sáu có nói đến (còn hiểu đúng hay sai lại là một chuyện khác).

Dè dặt hơn Giáo sư Nguyễn Đăng Thục, ông Nghiêm Thẩm⁽²⁾ “kết luận sau này một khi những phong tục, tập quán, ngôn ngữ của người Việt Nam và các dân tộc Anh - đô - nê - diêng được nghiên cứu thật kỹ lưỡng thì ta càng thấy rõ là người Việt Nam ở gốc chung của các dân tộc Đông Nam Á châu mà ra, đó là gốc Anh - đô - nê - diêng. Hiện nay các đồng bào Thượng còn giữ được gần nguyên vẹn những căn bản của gốc Anh - đô - nê - diêng đó”⁽³⁾.

(1) Sài Gòn, Văn hóa Á châu xuất bản, 1961, tr. 39.

(2) Cả hai vị này đều là giáo sư tại Đại học Văn khoa Sài Gòn trước năm 1975.

(3) *Luận Đàm Bối*, tr. 112.

Còn hơn Henri V. Vallois đã biết Anh - đồ - nề - diêng là Cổ Mã Lai lại xếp người Việt Nam vào chủng Nam Mông - gô - lịch tràn xuống Đông Dương đuổi người Anh - đồ - nề - diêng, còn hơn Ashley Montagu coi giống Ấn Mã Lai là phụ chủng của chủng Mông - gô - lịch.⁽¹⁾

Như vậy, nguồn gốc Anh - đồ - nề - diêng hay Mã Lai của người Việt Nam, có người không thấy, có người thoáng thấy, có người đã xác định trước Bình Nguyên Lộc nhưng có mấy ai chịu để ý lắng tai nghe. Cánh cửa đã mở. *Người đầu tiên* bước hẳn vào bên trong lại là Bình Nguyên Lộc. Nói là người đầu tiên, vì trong lãnh vực này, xác định suông không có giá trị bằng chứng minh. Và Bình Nguyên Lộc *đã chứng minh* điều mà “thiên hạ đã thoáng thấy sự thật rất đông đảo”, bằng một công trình tổng hợp. Vì cánh cửa đã mở nên điều ông muốn chứng minh không có gì gọi là táo bạo nhưng sự chứng minh hết sức công phu.

Vì tin tưởng mạnh mẽ ở công trình khổ luyện của mình, nên ông mới dám lên tiếng: “*thách thức các học giả trong nước (Hà Nội, Sài Gòn) và ngoài nước bác bỏ được thuyết của tôi, thì tôi sẽ phục họ, bằng không thì dân tộc Việt Nam toàn quốc sẽ được lợi vô cùng mà biết tổ tiên ta là ai*”.⁽²⁾ “Nhưng chỉ dám thách thức về đại cương mà thôi, còn chi tiết thì dĩ nhiên cũng phải có sai, nhiều hay ít chưa biết. Đại cương là nguồn gốc Mã Lai của dân ta [...]”⁽³⁾.

(1) *Les premiers âges de l' homme*, Verviers (Belgique), Ed. Gérard et Co, 1964, tr. 99.

(2) “Bách Khoa đàm thoại với Bình Nguyên Lộc”, *Bách Khoa* số 358, 1-12-1971, tr. 44.

(3) Bđd, tr. 45.

Người Anh - đô - nê - diêng cách đây khoảng 5.000 năm di cư từ Hoa Bắc xuống Cổ Việt, trong khoa chủng tộc học được gọi là Austro-asiatique (Bình Nguyên Lộc gọi là Mã Lai đợt I) để phân biệt với đợt di cư lần thứ hai cách đó 2.500 năm từ lưu vực Dương Tử giang xuống phía nam cũng của người Anh - đô - nê - diêng, lần này gọi là Austronésien (Bình Nguyên Lộc là Mã Lai đợt II).

Bình Nguyên Lộc lưu ý độc giả: “Austro - asiatique chỉ có nghĩa là người Á đông phương Nam, chứ không có nghĩa gì là Úc Á cả, như tất cả các sách Việt đều đã dịch sai như thế” (tr. 324). Câu này chỉ đúng cho tới chữ “cả” thôi, vì Austroasiatique phải dịch là *Nam Á* chứ không phải Úc - Á. Hai giáo sư Đại học Trần Kim Thạch⁽¹⁾ và Trần Hải Vân, trong một cuốn sách xuất bản gần cùng một lúc với *NGMLCDTVN*⁽²⁾, cũng đã gọi là Úc - Á. Nếu Úc - Á thì phải là Australo-asiatique. Nhưng cụ Nguyễn Văn Tố đã dịch đúng, vài cuốn giáo khoa Việt sử cũng vậy.

Ở chương V, tiết E (ngôn ngữ tỏ hiệu), Bình Nguyên Lộc quả quyết “cái lớp sơn Trung Hoa phết lên văn hóa Việt Nam đã gát găm tất cả mọi người, kể cả các nhà bác học nữa.” (tr.641)

Có lẽ ông khẳng định như vậy là vì xét về nguồn gốc tiếng Việt Nam, “Sử gia Nguyễn Phương khẳng định tiếng ta là tiếng Tàu. Giáo sư Lê Ngọc Trụ có chứng minh 10 năm trước lời khẳng định trên.” (tr. 473)

(1) *Biên khảo về người tiền sử thế giới và Việt Nam*, Sài Gòn, Lửa Thiêng, 1971, tr. 235. GS Trần Kim Thạch (1937-2009) là giáo sư địa chất tại Đại học Khoa học Sài Gòn.

(2) *Bđd*, tr. 17.

Nhưng không phải tất cả đều tin như vậy.

Đó là nói riêng về ngôn ngữ, còn nói về cái gốc chung của dân tộc thì ông Nghiêm Thẩm nhận rõ cái vóc dáng Anh - đô - nê - diêng chứ không phải Trung Hoa “*Ta có nói là dù trước đây giới trí thức bị ảnh hưởng quá sâu sắc của học thuyết Trung Hoa cho đến nỗi cái gì cũng cố bắt chước đúng người Trung Hoa, v.v... nhưng những người dân quê là những người ít chịu ảnh hưởng của học thuật Trung Hoa vẫn giữ được những truyền thống cũ của tổ tiên. Nhờ vậy mà dù ngót một nghìn năm bị người Trung Hoa đô hộ, nước Việt Nam không bị đồng hóa hoàn toàn. Đó là tại người Việt Nam vẫn giữ được cái gốc Anh - đô - nê - diêng của mình.*”⁽¹⁾

Ông Thái Văn Kiểm trong một cuốn sách *Viet nam d'hier et d'aujourd'hui* ⁽²⁾ có nhận xét rằng nền văn minh Việt Nam buổi đầu có màu sắc nửa Trung Hoa, nửa Anh - đô - nê - diêng, nhưng từ thế kỉ thứ VII trở đi đã có tính cách Việt Nam rõ ràng. (Ở đây không phải là vấn đề thảo luận tại sao lại kể từ thế kỉ VII).

Tóm lại, có người bị lớp sơn Trung Hoa phết lên văn hóa Việt Nam gặt gấm mà cũng có người không.

Bình Nguyên Lộc muốn sách của mình cùng một lúc có cả hai tính cách đó “quyển sách này có tham vọng là sách chuyên môn.” (tr. 15), “*Phương chi chúng tôi lại mong ước*

(1) Bđd, số 12, tr. 112.

(2) Xuất bản do sự bảo trợ của Bộ Quốc gia Giáo dục Việt Nam và Ủy ban quốc gia UNESCO ở Việt Nam, Maroc, 1956, tr. 65.

sách này được những người không chuyên môn theo dõi.”
(tr. 335)

Hai tính cách đó khó mà dung hòa trong một cuốn sách đồ sộ (ở Việt Nam) đề cập một vấn đề thật chuyên môn như *NGMLCDTVN*.

Nếu là sách chuyên đề thì nó thiếu một bảng *sách dẫn* để người dùng sách tiện việc tra cứu khi cần đến. Thư tịch cần được ghi rõ hơn để cho người đọc có thể kiểm lại dễ dàng điều tác giả viết hoặc giúp cho độc giả hiếu học nhờ đó mà tìm hiểu thêm chi tiết về một khía cạnh nào đó của vấn đề. Có lẽ vì thế mà khi kiểm điểm “*Sinh hoạt báo chí, văn chương, nghệ thuật trong năm Tân Hợi*” (ở Sài Gòn), Ngôn Ngô có nhận xét:

“Người ta thấy Nguyễn Văn Xuân với *Phong trào Duy tân*, Bình Nguyên Lộc với *Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam*, Sơn Nam với *Miền Nam đầu thế kỷ XX: Thiên địa hội và cuộc Minh Tân...* Các cuốn sách trên đều có chung một đặc tính là không được viết theo phương pháp sách nghiên cứu nên người đọc khó có thể biết được những điều tác giả viết lấy ở đâu ra và lấy đúng hay sai?”

Trách như vậy thì cũng hơi quá đáng! Vì có sách nào, tài liệu (in) nào công bố trước các ông đâu!

Hồi năm 1971, *Tờ Hòa Bình* chúa nhật ở Sài Gòn số ra mắt, ở mục giới thiệu sách, có viết: “*Bình Nguyên Lộc không phải là một người khiêm tốn, ít ra trong trường hợp này, ông có ý không chịu một thái độ khiêm tốn chút nào.*”⁽¹⁾

(1) Tuần lễ từ 19 đến 25-12-1971, tr. 9.

Độc giả có thể đọc thoáng qua mà không thấy, hoặc không nhớ những dòng, những đoạn tác giả mình định thái độ của mình đã cố ý lựa chọn sẵn, vì những lí do gì tác giả có nói rõ.

Thật ra tác giả tuy có bài xích, phủ nhận nhưng không có phụ ơn, cũng bắt đầu từ Maspéro; tác giả viết: “Ông H. Maspéro, một nhà bác học mà chúng tôi rất khâm phục, đã phát cờ đi trước hơn hết về cái nguồn ấy, vào năm 1918”. (tr.9)

“Tất cả những thuyết mà chúng tôi cho là không đúng đều đã giúp ích cho chúng tôi rất nhiều thì những trang sách của chúng tôi mà có sai đi nữa cũng sẽ giúp cho ai đó.” (tr 68)

“Trong sách này chúng tôi thường có dịp phê bình và công kích những nhà bác học Tây phương làm việc khảo cứu cho xứ ta. Nhưng xin đừng tưởng rằng chúng tôi sượng miệng lắm khi làm như vậy, nhất là đối với ông H.Maspéro [...]”

“Nhưng chúng tôi phải vì sự thật khoa học, biết sao giờ !

“Họ giỏi hơn ta quá nhiều [...] và công việc kiểm soát của ta không có nghĩa là phụ ơn họ”.(tr.71)

“Cái phần bác bỏ ấy có vẻ như là bút chiến, khiến chúng tôi rất khổ tâm, nhưng không thể tránh, vì có những điều sai mà được cả nước đều tin từ lâu năm thì phải hò hét cho to như về vụ Anh - đô - nê - diêng chẳng hạn.” (tr. 73)

Những ý trên đây rải rác trong một cuốn sách lớn để

chìm mất giữa những đóng chỉ tiết, sự kiện, lập luận ngổn ngang.

Cách trình bày như đã nói, trên thực tế, cũng đã khiến cho Bình Nguyên Lộc phải gánh chịu sự lố lã về tình cảm, dù nhiều hay ít, của một số độc giả, *nhưng văn hóa Việt Nam có lời rất lớn với cuốn NGMLCDTVN* vì người Việt Nam được biết rõ về quá trình sinh thành của dân tộc mình, những ai là anh em bà con xa gần với mình, biết rõ hơn về quê hương đất nước do quốc tổ Hùng Vương khai sáng và còn sống mạnh đến ngày nay. Và khá nhiều khám phá mới, hoặc chưa ai nói đến, hoặc đính chánh những kiến thức cũ sai lầm trong nhiều lãnh vực như ngôn ngữ, phong tục, cổ sử... Thế cho nên đọc *Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam* nhà văn Bằng Giang (1922-2000) cho rằng

Nhìn chung lại, có thể nói rằng “*Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam*” của Bình Nguyên Lộc là một tảng đá lớn tiền sử và cổ sử Việt Nam, Trung Hoa và của nhiều dân tộc khác nữa. Một trăm khách bộ hành đi ngang qua, bằng một cử chỉ băng quơ, đập vào một gậy, ném vào một cục đá,... tảng đá có thể sứt mẻ tứ phía nhưng tảng đá vẫn cứ là tảng đá, tro tro đó năm này qua năm khác như tảng đá vô tri chỉ thách thức về đại cương chứ không về chi tiết mà ông đã nhận trước là dĩ nhiên có sai. Chính tác giả cũng nhìn nhận “*Trước quyển sách này, thiên hạ đã thoáng thấy sự thật rất đông đảo...*” (tr. 885), nghĩa là tác giả không phải cô độc. Còn có Nguyễn Văn Tố, Nguyễn Đăng Thục ở đây đã biết Anh - đô - nê - diêng là Mã Lai và đã biết các dân Miến, Xiêm, Việt, Mã Lai, Phi Luật

Tân ngày nay đều cùng một gốc tổ: *chúng Anh - đô - nê - diêng*.

Tôn Hành Giả nâng tảng đá lên ném xuống mặt hồ. Nước bắn tung tóe trúng nhiều người đã chết (H. Maspéro, L. Aurousseau...) cũng như còn sống (Lê Văn Siêu, Lê Ngọc Trụ, Kim Định, Nguyễn Phương,...)⁽¹⁾ (nhưng nay cũng đã chết)

Công của Bình Nguyên Lộc là những giọt nước bắn tung tóe đó và chính những giọt nước đó có thể xóa được nỗi băn khoăn ray rứt về Đồng Nai và nguồn gốc dân tộc Việt Nam mà ông ấp ủ cả đời. Nghe đâu sau khi định cư ở Mỹ ông tiếp tục viết cuốn II để chứng minh cho rõ ràng vấn đề.

3. Ngôn ngữ học:

- *Lột trần Việt ngữ* (1972) *Tự vựng đối chiếu...* (1971) với một cái nhìn mới về ngữ nghĩa tiếng Việt. Tác giả đứng trên quan điểm dân tộc học để tìm hiểu nguồn gốc và ngữ nguyên của tiếng Việt từ thời cổ đến hiện đại. Cũng như cuốn trên, quyển này các nhà ngữ học có nhiều ý kiến phản bác.

4. Sáng tác:

Đây là phần đồ sộ nhất trong hành trình sáng tác và trước tác của ông. Ông từng viết tiểu thuyết bằng thơ trường thiên như *Thơ Ba mén*, *Việt sử trường ca*, *Luận thuyết y*

(1) Theo Bằng Giang, *Vài nhận xét về cuốn Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam*, in trong tạp chí *Bách khoa*, 1971, Sài Gòn.

học, (khinh tâm bệnh), *Thơ thơ nơi Đồng Nai, Ca dao...* Ông có công sưu tầm được hàng ngàn câu ca dao và chú thích về từng đặc trưng của nó. Nổi bật nhất là ông viết rất nhiều truyện ngắn, bút kí...

Những năm 1955-1975, ông viết rất đều tay, hầu như năm nào ông cũng có vài đầu sách giá trị ra mắt độc giả. Hầu hết tác phẩm Bình Nguyên Lộc đều viết về sinh hoạt nông thôn Nam Bộ - nhất là miền Đông Nam Bộ. Trong từng trang viết, ông làm sống dậy trong tâm thức người đọc cái hồn nhiên, dung dị, chân chất mà sâu nặng tình tương ái đầy tình nghĩa của con người sinh trưởng tại miền đất mới. Con người ấy có đủ bản lĩnh, khả năng để chiến đấu với thiên nhiên và đấu tranh với xã hội.

Theo số liệu do tác giả tiết lộ, tính đến năm 1974 ông đã viết được gần 1.000 truyện ngắn (đã in và chưa in) mà hầu hết các truyện này đều đề cập đến bối cảnh và sinh hoạt tinh thần và vật chất của tiền nhân trên đường mở nước vào miền Nam cách đây hơn 300 năm mà gia phả họ Tô Văn... ở Đồng Nai còn ghi lại.

Tác phẩm của ông là một phần không nhỏ của tiến trình văn học Việt Nam; nhất là làm sống dậy và lớn lên cái tinh thần chiến đấu hăng say, lạc quan của nhân dân ta nơi vùng đất mới này.

Bình Nguyên Lộc là một cây bút sung mãn và sắc nét nhất của đồng bằng Nam Bộ chuyên về tiểu thuyết, truyện ngắn và tạp bút của văn học Việt Nam vào thời hiện đại.

Sau đây là các tác phẩm sáng tác của ông.

A. Tiểu thuyết

Riêng về truyện dài Bình Nguyên Lộc có đến 52 quyển⁽¹⁾ đến các năm 1973-1974 xuất bản được 20 cuốn. Có một khoảng thời gian bệnh cũ tái phát; nhất là từ các năm 70 về sau, ông chú tâm vào công tác nghiên cứu về Việt học nhiều hơn sáng tác văn chương.

Các tiểu thuyết của ông gồm (số đã in ghi theo thứ tự thời điểm xuất bản ở Sài Gòn).

1. *Đò dọc*, NXB Bến Nghé (1959)
2. *Gieo gió gặt bão*, NXB Bến Nghé (1959)
3. *Nhện chờ mối ai*, Nam Cường (1962)
4. *Bóng ai qua ngoài song cửa*, NXB Thế Kỉ (1963)
5. *Xô ngã bức tường rêu*, NXB Sống Vui (1963)
6. *Ái ân thâm ngắn cho dài tiếc thương*, NXB Thế Kỉ (1963)
7. *Hoa hậu bỏ đào*, NXB Sống Vui (1963)
8. *Bí mật của nàng*, NXB Thế Kỉ (1963)
9. *Nửa đêm Trăng Sụp*, NXB Nam Cường (1963)
10. *Mối tình cuối cùng*, NXB Thế Kỉ (1963)
11. *Đừng hỏi tại sao*, NXB Tia Sáng (1965)
12. *Uống lộn thuốc tiên*, NXB Miền Nam (1965)
13. *Một nàng hai chàng*, NXB Thụy Hương (1967)
14. *Quán tai heo*, NXB Văn Xương (1967)

(1) Theo Nguyễn Ngu Í, *Sống và viết với...* Ngời Xanh xuất bản, 1966, Sài Gòn thì vào thời điểm trên mới in được 11 cuốn, từ 1967 về sau in được 9 cuốn nữa.

15. *Sau đêm bố ráp*, NXB Thịnh Kí (1968)
 16. *Trăm nhớ Ngàn thương*,⁽¹⁾ NXB Miền Nam (1967)
 17. *Nhìn xuân người khác*, NXB Tiến Bộ (1969)
 18. *Món nợ thiên liêng*, NXB Ánh Sáng (1969)
 19. *Khi Từ Thức về trần*, Văn Uyển xuất bản (1969)
 20. *Tì vết tâm linh Nam Cường*, (1974)
- Và khoảng hơn 30 cuốn chưa xuất bản, gồm:
21. *Phù sa*
 22. *Nguy Khôi*
 23. *Đôi giày cũ chữ Phạn*
 24. *Thuyền trường sông Lô*
 25. *Mà vẫn chưa nguôi hình bóng cũ*
 26. *Người săn ảo ảnh*
 27. *Sưởi đổi lối*
 28. *Trữ La bến cũ*
 29. *Bọn xé rào*
 30. *Cô Sáu Nam Vang*
 31. *Một chuyến ra khơi*
 32. *Trọng Thủy Mị... đường*
 33. *Sở đoán của đàn ông*
 34. *Luật rừng*
 36. *Cuồng ca thế kỉ*
 37. *Bóng ma dĩ vãng*

(1) Nguyên là *Trăm nhớ*: cô *Trăm nhớ*, cậu *Ngàn thương*, nhưng do lỗi ấn công nên thành *Trăm nhớ ngàn thương*.

38. *Gái mẹ*
39. *Khi chim lìa tổ lạnh*
40. *Ngõ 25*
41. *Hột cơm Ngô chúa*
42. *Lưỡi dao cùn*
43. *Con khi đột trò xiếc*
44. *Con qui ban trưa*
45. *Quạt mồ người đẹp*
46. *Người đẹp bến Ninh Kiều*
47. *Bưởi Biên Hòa*
48. *Giấu tận đáy lòng*
49. *Quang Trung du Bắc*
50. *Xóm Đẻ Bò*
51. *Hai kiếp nhà tơ*
52. *Muôn triệu năm xưa*
53. *Hố phách thời gian*

III- Nội dung chủ đề tác phẩm Bình Nguyên Lộc

1. Truyện dài (Tiểu thuyết)

Với 20 tiểu thuyết (truyện dài) đã in thì *Đò dọc* là quyển tiểu thuyết in sớm nhất (1959) của ông.

Truyện này ông viết sau những năm kháng chiến chống Pháp chấm dứt (1946-1954). Năm 1959 ra mắt công chúng độc giả miền Nam, năm sau sách được *giải thưởng văn chương toàn quốc* ở Sài Gòn năm 1960.⁽¹⁾

(1) Theo dư luận, những năm 60 ở Sài Gòn, việc Bình Nguyên Lộc được giải

Trong cuộc phỏng vấn ông, đăng trên các tạp chí *Bách Khoa*, *Thời Tập*, *Tin Sách*, Bình Nguyên Lộc tiết lộ thì *Đò dọc* nguyên là một vở kịch có nhan đề *Con đường Quốc gia số 6* của kịch tác gia J.J. Bernard (người Pháp).

Kịch này lúc ấy được diễn trên đài phát thanh Pháp Á ở Sài Gòn trước năm 1955, ông nghe xong cảm hứng, tiểu thuyết hóa (chứ không phải phóng tác) thành một tiểu thuyết có tên là *Đò dọc* lấy bối cảnh Sài Gòn - Biên Hòa làm nơi dựng truyện. Nội dung vở kịch chỉ có mỗi một nhân vật nữ là *một cô gái*, Bình Nguyên Lộc thấy như vậy buồn quá nên ông đã nhân cô gái ấy lên thành *Bốn cô gái thị thành*⁽¹⁾ cho vui và rộn ràng, khúc mắc hơn⁽²⁾.

Sau chiến tranh Việt Pháp (1946-1954), ông Nam Thành là một nghiệp chủ thấy tình hình yên ổn... Ông bàn với vợ và bốn cô gái nên dọn về tỉnh (gần đường quốc lộ). Bốn chị em *Hương*, *Hồng*, *Hoa*, *Quá* đều chưa chồng và có

thường văn chương toàn quốc năm 1960 thì *Đò dọc* là một tiểu thuyết hay và tác giả là một nhân vật không tai tiếng (có nghĩa là tốt). Trong khi các tác giả khác dự giải lắm người có dư luận, có "vấn đề", và ông là người đứng giữa nên *Đò dọc* trúng giải. Điều đó ông cũng tâm sự với ông Viễn Phương là "có gì đâu anh. Chẳng qua là chúng nó tranh ăn, chẳng ai nhường ai. Thấy quyển *Đò dọc* [của tôi] cũng được, con người tôi cũng sạch sẽ lại "trung dung" nên nó cho giải thưởng" (Viễn Phương, *Bài đã dẫn*). Nhân đây cũng xin đính chính: Giải văn chương trao thưởng cho Bình Nguyên Lộc tên gọi chính thức là "*Giải thưởng văn chương toàn quốc*" chứ không phải "*Giải thưởng văn học Ngô Tổng thống*" như đã viết trong *Kiến thức ngày nay*.

(1) Chi tiết này do ông tiết lộ với một nhà báo khi phỏng vấn ông năm 1974 tại nhà riêng ở gần chợ Cầu Muối, Q.1, sau đó in trên báo tạp chí *Thời Tập*, số ngày 10-10-1974, Sài Gòn.

(2) Đoạn văn sau chúng tôi trích lại trong Nguyễn Q. Thắng, *Tuyển tập Bình Nguyên Lộc*, NXB Văn học, 2001.

hai cô vào tuổi “quá lứa”. Chính việc đó khiến ông bà Nam Thành lấy làm lo! Lại gặp cảnh xa Sài Gòn về ở miền quê, cha mẹ các cô lại càng lo thêm, sợ bốn người con gái sẽ ế... chồng! Bỗng một đêm tối trời, một tai nạn xe hơi xảy ra ngay trước nhà - vì nhà gần đường thiên lí - nên cả nhà ông Nam Thành cùng ra giúp người gặp tai nạn. Trong một đêm cả bốn chị em lần lượt nối nhau săn sóc nạn nhân - anh Long - mà cũng để trò chuyện cùng người thanh niên là họa sĩ trẻ đất Sài Gòn. Rồi bốn chị em đều mê người nghệ sĩ này! Tiếp theo, hai chị em nối nhau tự tử (nhưng được cứu sống) vì tình yêu đơn phương của mình. Rồi ba chị em cùng nhau lấy chồng một cách “khỏe re”. Sự việc và các scene của các sự kiện tiến triển dồn dập, rục rục vô cùng ngoạn mục khiến người đọc ngỡ ngàng, nhất là ông bà Nam Thành không kịp thở ra... vì bốn người con gái cùng cùng nhau xách và li theo chồng một cách ngon ơ! Đến lúc này, ông bà Nam Thành mới dám thở ra và không khỏi... buồn!

Đoạn kết bất ngờ đến sững sốt:

“Chú rể Long rước cô dâu Hồng đi xong, chiều lại ông bà Nam Thành ngồi nhời cái hiu quạnh của mình.

Để cho vui nhà, ông Nam Thành nhìn bà, và cười tự đắc mà nói:

- Bà thấy hay không? Rồi cũng gả trôi hết ba đứa, có ế ảm gì đâu mà bà cứ theo cằn nhằn tôi đến nhức xương.

- Xí, ông không biết khổ khổ gì hết, hồi thằng Bằng nó nói cho mà nghe.

Gả trôi ba đứa là công lao vận động của thằng Bằng và

của cả thằng Long nữa. Nếu ngồi đó mà đợi, thì con mình sẽ thành đá vọng phu hết tội!

Ông nên biết rằng trường hợp của mình là trường hợp đặc biệt. Tai nạn xe hơi không bao giờ diễn lại lần thứ nhì ở gia đình khác mà cùng cảnh với mình.

- Nhưng việc chính là gả được con, mà mình đã gả được.

Rồi ông cười ha ha để đánh trống lảng”.



Theo tác giả (BNL) khi thai nghén một tác phẩm⁽¹⁾ nhất là tiểu thuyết như tiểu thuyết *Đò dọc* này không phải ông cố tình tạo ra cốt truyện mà chính là ý *truyện*: nghĩa là tác giả ít chú ý đến những câu chuyện li kì, gay cấn mà đặt nặng vào những ý tưởng “ngộ nghĩnh” và cho các ý tưởng ngộ nghĩnh ấy nhập vào cơ năng sáng tác nhà văn (tác giả) như câu chuyện về sự đau khổ, dằn vặt của bốn chị em con gái ông Nam Thành trong *Đò dọc*. Đó là niềm đau của người chị trưởng sắp đến tuổi “quá lứa”. Cô Hương trong truyện cứ ngỡ chắc là mình sẽ “ế chồng” nên cũng “tranh thủ” thăm lạng với các em của mình. Các ý truyện đó ông thu về nội tâm, rồi mới dựng nên cốt truyện qua các tiểu thuyết của mình. Điều ấy được thấy qua cách dựng truyện, khởi đi từ *Đò dọc* đến *Gieo gió gặt bão*, *Xô ngã bức tường rêu*, *Nhện chờ mối ai*, *Ái ân thâm oán* cho dài tiếc thương, *Khi Từ Thức về trần...* và đó là kinh nghiệm sáng tác khi

(1) Đây là chủ ý của Bình Nguyên Lộc trả lời cuộc phỏng vấn ông in trên *Tin Sách* số 32 tháng 2 năm 1965. Năm 2001 in lại trong *Tâm tình văn nghệ sĩ*, NXB Thanh Niên, TPHCM.

ông tâm sự với các nhà báo.

Những bối cảnh được dàn trải trong truyện trước đó đều có trong đời sống thực tế được tác giả “thu về” nội tâm của tiềm thức mình, thì các sự kiện, động tác... ấy sẽ do mạch văn của tác giả cứ vậy từ từ dàn trải qua từng trang viết. Chẳng hạn trong *Ái ân thâm ngấn cho dài tiếc thương*, nhân vật chính là một anh thanh niên “mới toanh” trót mê rồi yêu một thiếu phụ mà anh cứ ngỡ là cô (thiếu phụ) này chưa... chồng. Tình yêu đó mỗi lúc mỗi nồng thắm và có lẽ vì sự nồng n뜨 mà nhiệt tình của anh “trai tân” cộng với sự “từng trải” mà đắm thắm của thiếu phụ. Quả đúng với ý niệm của câu thơ “tình yêu ai tính tuổi bao giờ” của một nhà thơ nào đó mà ông tâm đắc! Tuy vậy, các sự kiện ấy lại là sự thực: sự thực này được thấy rõ qua từng địa phương (địa danh) có trong truyện.

Theo tác giả (BNL), trước khi dựng nên truyện dài này, ông phải đến nơi chiếc đờ của hai nhân vật chính tấp vào một nơi gọi là cù lao Rồng ở Mĩ Tho. Gọi là “*một nơi*” nhưng “nơi” này được tác giả nghiên cứu bằng cách đến tận đó rồng rả hơn năm, sáu tháng rồi mới cho các nhân vật cùng các sự kiện xuất hiện qua trang sách.

Trong *Nhận chờ mới ai*, cũng là những chi tiết của một việc có thật xảy ra ngay trong đời thực tại Sài Gòn (Chợ Lớn).

Đôi trai gái gần nhau rồi yêu nhau tha thiết, có lúc vô cùng đắm đuối... sao không “sáp nhau” lại cho rồi, mà cứ chần chờ mãi? Chẳng khác gì con nhện sao cứ mãi giăng tơ, còn chờ mới ai mới chịu “ráp mới” mà ngừng nghỉ cho...

khỏe và xong việc! Từ đó nhện cứ mãi nhả tơ mà không ráp mối được, tử như đôi thanh niên kia vẫn cứ “chờ đợi” mãi; dù “gần nhau gang tấc” mà vẫn cứ “cách xa quan hà”. Các sự kiện đó đã và liên tục xảy ra mà ai cũng nghĩ rằng đâu có việc hi hữu ấy! Cuối cùng tác giả phải kiểm chứng lại là nhờ một người bạn, người đã tặng (kể) ông câu chuyện này - đưa tác giả đến tận nơi xảy ra câu chuyện - để quan sát và ngẫm nghĩ thêm cho đầy đủ các chi tiết các điểm gút, thắt, mở của một tiểu thuyết có nghệ thuật. Tuy rằng các sự kiện xảy ra, tác giả đã có một số lời giải thích. Điều này vẫn có thể lí giải được vì các truyện ấy nhằm giới thiệu, trình bày các sự việc xảy ra ở từng địa phương mà địa phương ấy ở một nơi nào đó như trong *Đò dọc*, *Xô ngā bức tường rêu*, *Nửa đêm Trăng Sụp*, *Ái ân thâu ngắn cho dài tiếc thương*, *Tì vết tâm linh*....⁽¹⁾

Tì vết tâm linh là cuốn truyện viết về một thiếu nữ bị *bệnh tâm thần nhẹ*, khiến nhân vật trong truyện có những ý nghĩ và việc làm khác người thường. Việc đó chẳng khác gì việc anh con trai bị thất tình, đi trả thù người tình, vào rừng bị con khỉ cái bắt, đem vào rừng sâu, đêm đêm trói chàng đưa lên cây, ban ngày đi hái trái cây ngậm đầy miệng đem về nuôi chàng để mà... ân ái. Chàng kia sống lâu ngày với khỉ đến gần giống loài khỉ, như truyện vừa *Thèm người* in trong *Nhốt gió* (NXB Thời Thế, 1950, Sài Gòn).

“Thôi tù rồi, từ trên cao chót vót. Nhìn thỏ, cheo dưới

(1) BNL trả lời phỏng vấn của Lê Phương Chi, in trong nguyệt san *Tin Sách*, Sài Gòn, 1965, in lại trong *Tâm tình văn nghệ sĩ* (Lê Phương Chi), NXB Thanh Niên, 2001.

đất, nhỏ như chuột con, chàng chóng mặt lên. Xa đến mút tằm con mắt, rừng trái ra, xanh sậm. Ngọn rừng khi lồi khi hùnh trông như cuộc đất dọn sóng.

Nhưng nó lại về, hai má no tròn lên, bên trong đựng đầy trái rừng đã vữa. Nó lấy tay nhận kho trái cây ấy, bóc ra đút vào miệng chàng. Khương bợn dạ. Nghe một cục gì từ bao tử trào lên tới miệng...

Rồi chàng hiểu hết: đó là một con khỉ cái. Chàng sẽ bị hiếp” (*Sđd*, tr.140).

Cùng một chủ đề tâm thần này, ông còn một tản truyện có tên *Khi Từ Thức về trần* (Văn Uyển xuất bản, 1969) cũng khai thác vấn đề tâm bệnh học để trình bày tâm bệnh mà con người mắc phải.

“Nguyễn Văn Phi, tài xế tắc xi ở Sài Gòn, có vợ và ba con. Trong một chuyến rước khách ban đêm, anh ta lâm vào một cảnh cực kì nguy hiểm. Khách dùng thủ đoạn giết nữ hành khách - bạn tình của y - để cướp nữ trang đắt giá rồi trốn thoát. Lúc còn ngồi trên tắc xi, Phi ngỡ hai hành khách là vợ chồng hoặc trai tứ chiếng, gái “bò lặc”.

Trong lúc hốt hoảng, Phi không báo cảnh sát mà bỏ xác trên xe chạy trốn với vết thương bị tên cướp giả dạng hành khách sát thương.

Phi chạy không định hướng, tình cờ nhận ra đó là bót cảnh sát Quận nhì gần nơi Phi có nhiều kỉ niệm từ lâu... lấm như từ tiền kiếp. Chàng ngược mắt nhìn lên, thấy bảng hiệu buôn “*Thần Tốc*” thì chợt nhớ lại mình vốn tên Ngô Văn Sở, chủ hiệu buôn này trước đây!

Đích thực Phi tên Ngô Văn Sở. Trong một chuyến đi

ngủ mát ở Đà Lạt, anh bị té ở bờ suối, đầu va vào đá, sau được đồng bào cứu sống, nhưng Sở bị chứng “kiện vong”⁽¹⁾ (quên). Từ đó *Sở không biết mình là ai, tên gì, ở đâu, gia đình ra sao?* Do lượm được bộ quần áo có thể căn cước mang tên Nguyễn Văn Phi - thợ điện - anh ta nhận mình là Nguyễn Văn Phi. Rồi anh về Sài Gòn vẫn làm thợ điện như Nguyễn Văn Phi đã làm, sau làm tài xế tắc xi, có vợ, sinh con...

Sau khi thoát chết vì cứu nạn nhân trên xe và cú đập mạnh vào đầu, giúp Phi nhớ lại được gốc gác của mình hơn mười ba năm trước.

Khi biết lại mình là ai và hiệu buôn *Thần Tốc* trước kia do mình làm chủ. Sở (bây giờ là Phi) quyết định vào nhà gặp lại vợ.

Sở nhận ra ngay vợ con mình. Đứa con trai và con gái đều trưởng thành. Vợ năm xưa nhan sắc nay vẫn còn mặn mà. Bà không niềm nở đón tiếp người chồng cũ đột ngột trở về, vì bà đã “bước thêm bước nữa” sau khi ông bị tai nạn. Đứa con trai (Tiếp) đón cha không lạnh nhạt mà cũng chẳng mấy thân tình, mặn nồng... Tiếp đã thay cha làm chủ tiệm buôn. Gia đình đã khai tử tên Ngô Văn Sở để tiện lợi về phương diện pháp lí. Còn cô con gái (Lệ) đón cha với tình nồng nàn, thấm thiết và vô vàn thương mến. Cô cố hàn gắn những sứt mẻ trong tình cảm vợ chồng của cha mẹ (vì mẹ cô đã có chồng khác), cô một mực muốn đưa cha cô trở về vị trí cũ.

Nhờ luật sư, vụ án mạng đã rõ ràng: ông vô tội... nhưng Ngô Văn Sở đã từ chối địa vị chủ gia đình xưa để trở về làm một *Nguyễn Văn Phi, tài xế tắc xi như trước*. Ông làm vậy để

(1) *Kiến vong*: thuật ngữ chuyên môn y học; tiếng Pháp là *amnesie* tức chứng hay quên, hoặc mất hay yếu trí nhớ. Từ Hán Việt là *kiến vong chứng* (bệnh mất, yếu trí nhớ).

Bình Nguyên Lộc với hương gió Đồng Nai

giữ cho con trai cái vị thế ông chủ hiệu buôn mà nó thừa kế đúng pháp lí, trả con gái vị hôn phu mà Lệ (con gái) trót yêu một chàng trai nguyên là kẻ thù của gia đình ông mười mấy năm trước; nhất là cho người vợ cũ cái hạnh phúc mới mà bà từng vun quén sau khi ông thọ nạn...

Nguyễn Văn Phi thấy lòng mình phơi phới, nhẹ nhàng khi trở về với gia đình lao động nghèo chất phác của người tài xế, hơn hẳn Từ Thức ngày xưa đã đau khổ khi trở lại trần” (*Khi Từ Thức về trần*, Văn Uyển xuất bản, 1969, Sài Gòn).

Bao nhiêu ước mơ cùng sự thật ấy thì chắc chắn tác giả phải giải thích các vướng mắc trong nội tâm, cùng những hiện tượng của tâm bệnh học và tâm lí con người - nhân vật. Lúc ấy độc giả mới cảm nhận được; nếu không người đọc sẽ đi vào “mê hồn trận” của tác phẩm. Có lẽ từ sự kiện đó nên có người cho rằng ông là người “ưa thích sự phân tích lí luận bác tạp rộng về bề mặt nhưng thiếu chiều sâu”⁽¹⁾. Viết như vậy chắc nhà nghiên cứu, phê bình chỉ chú trọng về mặt nghệ thuật mà loại hẳn yếu tố nội dung chủ đề tác phẩm văn chương.

Thế cho nên, tác phẩm Bình Nguyên Lộc đầu là tiểu thuyết, truyện ngắn, biên khảo... cho đến thơ ông cũng rề rà, kể lể ề ề như hầu hết các nhà văn miền Nam - Nam Bộ - như Trương Vĩnh Kí (1837-1898), Hồ Biểu Chánh (1884-1958); nhất là Vương Hồng Sển (1902-1996), Nguyễn Văn Trán (1914-1998) gần đây. Nếu nhà phê bình “chịu” đọc

(1) Nguyễn Văn Sâm, Cao Huy Khanh với các bài - “*Xin được lần cuối gọi bằng anh, Bình Nguyên Lộc, nhà văn của đời sống hằng ngày* (tạp chí *Văn học* số 18, ngày... tháng 7-1987 cả hai ông này đều chê Bình Nguyên Lộc giải thích trong sáng tác mà chỉ xem BNL chỉ thành công mỗi một tác phẩm *Đò dọc* thôi! Ngoài ra các tiểu thuyết khác đều hồng! (*Văn học*, California số 18).

các tác phẩm của các nhà văn Nam Kỳ - Nam Bộ - nói chung - ắt hẳn sẽ không có lời trách ông như Cao Huy Khanh, Nguyễn Văn Sâm đã viết về Bình Nguyên Lộc như chú thích ở trên.

Trong cách kết cấu một tác phẩm văn chương thì nhà văn (sau này có nhà phê bình, độc giả) phải xem xét, chú ý vào cách kết cấu của tác phẩm (truyện) như thế nào là *dàn việc, dồn việc, mở gút*. Việc đó có thể nói nôm na là như *mở đầu, thân bài và kết luận* thế thôi. Hai nhà phê bình trên chê ông giải thích các sự kiện trong truyện quá nhiều và chính việc giải thích đó làm mất nghệ thuật của tác phẩm văn chương mà ông muốn gởi trao đến độc giả.

Trong phần *Dồn việc* của các tác phẩm Bình Nguyên Lộc, chúng ta thấy rõ ông đã vận dụng các luật của nghệ thuật kể chuyện một cách có nghệ thuật; đó là *luật hứng thú* và *luật động tác*.

Về luật hứng thú trong *Đò dọc* các sự kiện của câu chuyện gồm bốn cô gái của ông bà Nam Thành, từ khi dọn nhà về làng quê đã chuyển biến một cách nhịp nhàng. Các nhân vật chính, phụ; không gian, thời gian, cách đối thoại của bốn chị em cùng ông bà Nam Thành, họa sĩ Long... luôn luôn ôm chặt, quấn quít nhau suốt thời gian anh Long nghỉ dưỡng bệnh tại nhà ông bà Nam Thành. Từ đó tình yêu giữa họa sĩ Long và cô em út nảy nở có sắp đặt và chuẩn bị từ đầu. Các sự kiện đó xảy ra một cách tự nhiên và “lôgich” như việc thường ngày ở... huyện vậy.

Luật hứng thú ấy còn đặt nhà văn vào cái thế là không

được có một suy nghĩ nào bộc lộ trước hồi kết thúc câu chuyện; nghĩa là không cho độc giả biết rõ hồi kết cuộc sẽ ra sao? Luật này được ông vận dụng vào việc bốn chị em gái lại xúm nhau, nối tiếp lấy chồng rụp rụp mà không ai là không bất ngờ và thích thú bởi vì trong số bốn chị em đó có người sắp “quá lứa”.

Gieo gió gặt bão (NXB Bến Nghé, 1959) xuất bản cùng thời điểm với *Đò dọc* vừa nhắc qua ở trên.

Truyện viết về một đôi vợ chồng sống chung lâu năm mà chưa có con.

“Vợ chồng Nho - Hảo giàu có, yêu nhau tha thiết nhưng không có con. Họ “thèm” có một đứa con để nâng niu và nối dõi.

Ước vọng đơn giản vậy mà không giải quyết được. Nho rất yêu vợ mà Hảo biết mình không có khả năng sinh đẻ, rất yêu chồng; nếu lấy vợ nhỏ cho chồng thì mình sẽ mất chồng. Nàng chỉ muốn có con nuôi. Nho không khứng vì con đó phải là con có mang máu cốt mình. Đang lúc hai vợ chồng ray rứt về việc con cái thì Liên - cháu gái của Hảo - xuất hiện. Hảo lập kế hoạch để Nho - Liên có dịp gần gũi. Từ đó Nho - Liên (một gái quê đẹp thùy mị, nhưng cũng đã “quá lứa”) gặp gỡ nhau nhiều lần. Liên có thai! Hảo làm như không biết cặp Nho - Liên quan hệ nhau, Nho cũng giấu vợ việc mình quan hệ với Liên. Liên biết mình có thai, hốt hoảng bèn cầu khẩn “cô Hảo” giúp. Hảo vì cứu cánh là “có con”, nên cả hai vợ chồng đều giúp Liên trú ngụ tại nhà mình trong thời gian thai nghén để sinh nở, và sau khi sinh con Liên sẽ về quê làm lại cuộc đời!

Đến khi Liên sinh con - một thằng con trai kháu khỉnh - thì tình mẫu tử khiến Liên chối bỏ ý định *hiến con* cho “cô”. Hảo dùng thủ đoạn là cho tiền bà mụ đã đỡ đẻ làm chứng khai sinh thằng bé là con Hảo - Nho. Khi biết cô đã khai sinh cho bé trai là con của hai vợ chồng Hảo - Nho; Liên phản ứng, quyết bắt chồng Hảo cho bỏ ghét mà cũng được lợi (có chồng và có con) và buộc Nho phải ở luôn tại nhà riêng mình.

Sau một thời gian cất công tìm kiếm, Hảo lập “phương án” bắt cóc bé Nhã (con của Nho - Liên). Kế hoạch thành công. Hảo mua nhà riêng nuôi bé Nhã.

Lúc mới mất con, Liên Nho hốt hoảng định báo cảnh sát, chùng suy nghĩ lại, Liên quyết phải bắt lại con trai và công việc đều trót lọt. Từ đó Liên trở thành người đàn bà khôn ngoan, sắc sảo và nàng cũng hiểu rõ thủ đoạn *làm hại đời con gái mình là do cô Hảo sắp đặt để vợ chồng có con nối dõi mà không mất chồng!* Khi đã như ý, Hảo lại còn muốn đủ hơn là cướp con của cháu làm con ruột mình. Liên đã làm cho Hảo sa vào lưới do nàng giăng. Hảo cũng sắp phải gặt lấy bão táp do mình góp gió tạo thành. Cuối cùng nhờ Liên có tấm lòng bao dung mà cuộc sống của họ không đến nỗi “bèo giạt hoa trôi” như ai.”

Xem vậy thì các sự kiện trong *Gieo gió gặt bão* đã liên tục xảy ra dồn dập; từ ngày Liên đến ở nhà vợ chồng Nho Hảo, đến lúc nàng có thai, sinh con... với dự định của “tay ba” (Liên, Nho, Hảo) là vợ chồng Hảo chỉ mưu mang Liên một thời gian ngắn để nàng chuẩn bị “làm lại cuộc đời”. Nhưng chỉ vì nàng “khôn ba năm đại có một giờ” mới xảy

ra nông nổi cho đến khi Liên đích thực được làm mẹ thì tình mẫu tử đã khiến Liên chối bỏ ý định cho con “cô Hảo”... Tất cả các sự việc diễn tiến một mạch như điều họ đã vạch ra với “ý đồ” riêng của từng đối tượng. Các sự kiện ấy hợp lí như trong cuộc sống thực.

Bao nhiêu “thắt gút” của phần dòn việc đến đây được “mở gút”, giải quyết một cách gọn gàng, suôn sẻ mà không chút lấn cấn.

Các tình tiết và khúc mắc của các truyện dài đã nêu ở trên, tính nghệ thuật ấy còn được thấy qua nội dung truyện dài *Xô ngã bức tường rêu* (NXB Sống Vui, 1963, Sài Gòn).

Xô ngã bức tường rêu là một bức tường vô hình mà kiên cố, nó được “xây” bởi ý thức của người Trung Hoa đã mấy ngàn năm, nay tác giả cùng các nhân vật hợp lại cùng nhau “xô ngã” bức tường ấy:

“Tâm - một sinh viên đại học Văn khoa - ở tỉnh lên trọ học tại Sài Gòn. Trong một lần gặp cô gái láng giềng người Hoa - tên Xíu Tin - anh cảm ngay sắc đẹp và tự tạo nên “cú sét ái tình”. Từ đó anh lui tới gia đình cô và kết thân với anh ruột nàng - tên Xùng Hêl. Tuy là người Hoa, nhưng Xùng Hêl và Xíu Tin đều có quốc tịch Việt Nam.

Tâm rất quý và trọng Xùng Hêl, vì anh là một thanh niên Hoa kiều có học thức và tư cách. Quan trọng nhất là Tâm rất yêu Xíu Tin, chàng muốn xin cưới nàng làm vợ, nhưng *vấp phải bức tường kiên cố là thân sinh Xíu Tin* - ông chủ tiệm thuốc Bắc Trường An đường - là một người với não trạng cố chấp, cho mình là dân Đại Hán (Trung

Hoa) nên xem thường các dân tộc khác - trong đó có người Việt Nam - đều là “man di”.

Xùng Hêl, Xíu Tin, trẻ, có học, tư tưởng phóng khoáng, tiến bộ... Xùng Hêl yêu một cô gái Việt mà ông Trường An đường (Hứa Vinh) nhất quyết không cưới cô ấy cho chàng. Do đó, Xùng Hêl tự quyết định lấy cuộc sống hôn nhân mình với người yêu Việt Nam.

Còn Tâm và Xíu Tin kiên nhẫn chịu đựng, thuyết phục ông Trường An đường bằng mọi cách. Cuối cùng ông chủ tiệm thuốc Bắc Trường An đường hân hoan, tự nguyện gả ái nữ của mình cho Tâm vì Tâm là một người có học, khôn ngoan, đạo đức, tâm hồn trong sáng, đầu óc phóng khoáng mà mình tuệ...

Đôi bạn trẻ phải trải lắm cam go, hi sinh to lớn, nhẫn nại mà cương quyết mới đạt được ước nguyện để thành chồng vợ, tràn đầy hạnh phúc do mình tạo được. *Họ đã xoã đi bức tường phong kiến rêu phong* của ông Trường An đường - nói riêng - và của tư tưởng cố chấp, phong kiến lạc hậu - nói chung. Đó là “bức tường rêu” được hình thành từ não trạng Đại Hán lạc hậu.”

Điều đó, còn được thấy rõ qua cách mở gút của tác giả rất bất ngờ và đột ngột. Bất ngờ đến độ người đọc phải sững sờ vì vào phút chót ông Hứa Vinh chấp nhận cuộc hôn nhân giữa Tâm và Xíu Tin - ái nữ ông - một cách ngon ơ mà bây giờ Tâm không cần một lời cầu khẩn. Vì giờ đây Tâm đã biết nói tiếng Triều Châu, biết tác dụng và cách bào chế thuốc Bắc... tuy rằng người trưởng nam của ông là Xùng Hêl đã lấy vợ “An Nam” như đoạn kết xảy ra rụp rụp và kết thúc ngon lành!

“Cho đến một hôm kia, đang ngồi uống trà, ông Hứa Vinh, nhận được một bức thư của trưởng nam ông, báo tin trê rằng nó đã lấy vợ “An Nam” rồi, thì ông chết sững mấy phút.

Lâu lắm, ông Hứa Vinh mới thở dài, rồi ông rung rung nước mắt. Đó là những hạt lệ nhẫn nại chịu số phận của một người nghe rõ rằng mình không cưỡng lại được với nhịp sống cứ biến đổi theo thời”. (...)

“Ông mừng quá, nói lu bù mà chỉ nói tiếng Triều Châu thôi, quên cả vốn liếng nghèo nàn tiếng Việt của ông.

Vui miệng, Tâm cũng trả lời lại với ông bằng thổ ngữ Triều Châu và sau mấy câu đối thoại, ông cụ bỗng giựt mình rồi ngạc nhiên hỏi:

- Trời! Sao anh học tiếng Tiều mau giỏi quá vậy?

- Dạ cháu học mỗi ngày a pe à? Cháu thích tiếng Triều Châu lắm.

- Tốt quá! Tốt quá mà!

Rồi ông ta làm thỉnh nhìn đăm đăm trong khoảng không rất lâu, đoạn ông lại hỏi:

- À, còn Tâm nói bỏ học văn, để học thuốc, có hay không?

- Dạ chắc chắn là như vậy. Cháu sẽ bào chế thuốc Bắc theo phương pháp Âu Tây.

Xíu Tin nghe Tâm đến, từ trong buồng chạy ra mừng bạn...

Ông Hứa Vinh nhìn con gái rất lâu rồi day lại hỏi Tâm:

- Anh Tâm nè, con Xíu Tín bây giờ xấu quá hé? (vì trước đó bị tai nạn)

- Thưa bác, đâu có xấu, cô Xíu Tin vẫn đẹp như trước, mà còn có duyên hơn.

- Vậy hả? Chắc chắn như vậy hả? Anh thành thật hay không?

- Vì cháu nghe trong bụng cháu như vậy.

- Con Xíu Tin không xấu à?

- Dạ không xấu.

- Có ai muốn cưới nó hay không?

- Dạ có chứ sao không. Chỉ sợ bác không gả thôi?

- *Ngóa* gả mà. *Ngóa* gả cho thằng nào ở đây với *ngóa*, bào chế thuốc cho *ngóa*, *ngóa* bỏ thằng Xùng Hêl.

Tự nhiên Tâm nổi hứng và không cầm giữ được, chàng ca lớn lên bài hát mà dân chúng Việt Nam hát để đùa chơi người Trung Hoa mà họ mến, hát theo điệu Khổng Minh tọa lâu:

“Pánh tôm khô chiên,

Dò chó quây chiên

Đồ pên Tàu Cắc chú đem qua

Mì pên Tàu Cắc chú bày ra”.

đến đây người đọc sững sờ gấp sách và không quên mỉm cười thích thú!

- *Tì vết tâm linh* (viết năm 1965, tác giả xuất bản, Nam Cường tổng phát hành năm 1973) là một tiểu thuyết luận đề về tâm bệnh học, hay chính xác hơn là một luận đề về sự tương tác giữa tài năng, di truyền, tâm lí bệnh học... do dục tình của con người, tương tự như cuốn *Khi Từ Thức về trần*. Nhưng điều đáng chú ý là cuốn *Khi Từ Thức về trần* chỉ đề cập về một khía cạnh nhỏ của tâm bệnh khởi đi từ chứng kiện vong (quên) của nhân vật chính và cả hai cuốn đều xoáy vào chủ đề tâm lí bệnh học. Trái lại, ở *Tì vết tâm linh*,

tác giả đào sâu tâm lí con người về *tâm bệnh*, *tài năng*, *điều kiện sống*, *dâm tính cùng di truyền tính của nòi giống*. Sự tương tác, giao thoa đó có là khi con người tiếp cận nhau, ngay từ lúc khởi đầu sự hình thành cá nhân của mỗi con người đang hiện hữu tại thế gian (*être-au-monde*).

Theo ông (tác giả) cái *tâm bệnh* bùng phát nơi con người là do những “*tì vết*” tâm sinh lí cá nhân cùng tính di truyền chứ không hoàn toàn do xung đột nội tâm mà có. Cái điên của “*bà nội trước*” (Ngô Thị Hường) cũng như cái điên của người yêu Lưu (Liễu), anh ruột cô Liễu, và cái tiền căn điên của “*bà nội ruột*” (Nguyễn Thị YẾN) đều do cái “*Tì vết tâm linh*” phát xuất từ bản ngã, từ căn cơ di truyền tiền kiếp của gia đình bên nội cô họa sĩ tập sự (Liễu). Cái điên của cô Liễu bùng phát dữ dội là do nàng tình cờ tiếp cận cuốn nhật kí của “*bà nội trước*” từng bị “*bà nội ruột*” (Nguyễn Thị YẾN) cướp mất chồng của mình. Thực ra bà YẾN chỉ bị *bệnh tâm thần nhẹ* (*Cynisme*) là một thứ bệnh do cơ thể hạch sinh dục phát triển mạnh, nên bà phơi bày những thèm khát của mình cho bạn hữu nghe. Chính điều đó đã làm cho bà Ngô Thị Hường không dám nghe lời của “*bà nội ruột*” (vì cả hai bà là bạn thân lúc chưa lập gia đình). Như vậy, “*bà nội ruột*” cô Liễu đã là một người không bình thường, tức là mầm mống của bệnh có *tính cách dâm* (*Sadisme*) của bà để thành vợ kế ông nội Liễu. Thế cho nên, cái hậu quả điên của “*bà nội trước*” là xuất phát từ điểm tựa của *tì vết libido* (dâm), *tài hoa*, *di truyền*, *bản ngã* mà có; chẳng khác gì cái điên vì thất tình của Bích (em gái Lưu) hoặc của ai khác thì cũng vậy thôi.

Tính cách loạn đê của “*Tì vết tâm linh*” là từ những *tì vết* đó mà có. Thật vậy, thế giới người điên là một thế

giới mịt mù không ánh sáng, nó là một thứ “Thái bình điên quốc” mà nhà thơ điên tài hoa Nguyễn Ngu Í sáng tạo ra từ những năm 60 tại Dưỡng trí viện Biên Hòa, vì nhà thơ là một bệnh nhân dài hạn, thân thương của Dưỡng trí viện này.

“*Thái Bình điên quốc*” (thế giới người điên) là nơi nung nấu cuối cùng của những cuộc đời bị “chém treo ngành” không đứt đoạn ngon lành mà còn dính lại với thế gian bằng một sợi chỉ mong manh như tơ nhện, mấy giây ý thức trong một ngày, một tuần, một tháng. Đau xót là ở điểm đó”. (Sđd, tr.319, bản Nam Cường)

Thế giới ấy được ngòi bút Bình Nguyên Lộc diễn tả bằng cái nhìn có tính khoa học mà giàu tính nhân bản khiến độc giả ray rứt khôn nguôi dù cho ở cõi đời đầy lạc quan hay ô trọc này.

“Mỗi lần ông cự Đốc phủ sứ Trịnh Đức Hải, một ông già lụ lẩn, tức cũng đang ở trong cõi vô thức như bà Ngô Thị Hường lên Biên Hòa để thăm người vợ tào khang của ông, một cuộc hành hương của người mang nặng mối hận ngàn thu, một cuộc hành hương mà mãi cho đến khi lụ lẩn rồi ông vẫn còn đòi đi, cũng chỉ trong mấy giây thôi, rồi cả hai rơi vào cõi vô thức đen tối”. (Sđd)

Ở thế giới đó:

“Ba người lặng lẽ dừng bước tại ngưỡng cửa của buồng bệnh nhon chớ không vào.

- Anh!

- Em!

Hai ông cụ bà cụ gọi nhau như thuở họ còn thanh xuân.

Thời gian đã ngừng trôi chảy trong tâm trí họ từ nửa thế kỉ rồi, đã ba thế hệ người qua rồi.

- Ấy, ông bà vẫn còn nhận được nhau, thiếu nữ giải thích. Nhưng thức giấc của ông bà dừng lại tức thì liền ngay sau cuộc nhận diện. Thế rồi thôi.

- Bà gọi ông cụ bằng “anh” thì hữu lí, vì cứ tưởng rằng bà là một thiếu phụ hăm bốn. Cớ sao ông cụ lại gọi bà bằng “em”? Lưu hỏi.

- Ông nội em chỉ gọi như vậy từ ngày ông nội em lụ lẩn, còn trước đó thì ông nội em kêu “bà”.

- Ủ, có thể chớ. Bây giờ thì chính ông cụ cũng tưởng rằng mình còn thanh xuân?

- Chắc là như vậy.

Lưu hết nhìn ông cụ bà cụ và thấy được rõ rệt một sự nỗ lực vô biên của hai người già này, họ cố gắng đến độ tột cùng của ý thức mong manh hấp hối nơi họ để nhớ lại cái gì. Nhưng họ đã hoài công (...)

Chắc chắn là như vậy, vì Lưu thấy rằng cả bốn mắt đều rơm rớm lệ. Nếu họ hoàn toàn không biết gì hết thì không thể nào ngăn lệ mong manh ấy trào ra.

Đau xót là ở chỗ đó. Thà họ không biết gì cả, hoàn toàn chìm đắm trong đêm tối của sự điên loạn, chớ còn ý thức được và nhớ lại trong nháy mắt như thế, họ chắc chắn là có biết đau khổ trong những lúc ngấn ngủ mà một dĩ vãng đau thương nào đó bỗng sống dậy”. (*Sđd*, tr.19,20).

Có thể nói, *Ti vết tâm linh* là một tiểu thuyết luận đề về tâm bệnh học sắc sảo của Bình Nguyên Lộc cả chiều sâu và chiều rộng của sinh hoạt đời người và người đời. Thảo nào khi trao đổi cùng bạn bè, báo giới ông vẫn cho rằng *Ti*

vết tâm linh là một trong bốn tác phẩm (trong hơn 50 tiểu thuyết) mà ông thương nhất, nếu không muốn nói là hay nhất trong đời văn ông (4 cuốn đó là *Thăm lặn*, *Cuống rún chưa lia*, *Những bước lang thang trên hè phố của gã Bình Nguyên Lộc* và cuốn này).

Chính ông (BNL) cũng cho rằng “tất cả những chi tiết trong hầu hết tác phẩm của tôi (BNL) đều có thật ở khắp nơi mà tôi tìm đến, đã gặp hoặc tôi cũng là một vai trong những sự việc xảy ra chớ tôi không bịa được gì hết. Mà tôi chỉ bịa cốt truyện để trình bày cho phù hợp ý truyện của tôi, do tôi đã thu nhặt được những chi tiết cụ thể trong đời sống hàng ngày mà thôi”.⁽¹⁾ Thậm chí, nội dung truyện đôi khi được ông lấy từ sự thật nhà văn, hoặc người thân trong gia đình như truyện ngắn *Nhốt gió* (ông và con trai) để dựng lên nhân vật chính. Và nhân vật này được xem là điển hình của tác giả, tác phẩm văn học mà tác giả nâng niu, nếu không muốn nói là chủ đề tư tưởng mà nhà văn từng ôm ấp.

2. Truyện ngắn

Như đã viết, Bình Nguyên Lộc là một cây bút sung sức và đặc sắc nhất cùng với Sơn Nam (1926-2007), Võ Hồng (1921), Thu Thủy (1925-...), Vũ Hạnh (1926) - về truyện ngắn và tùy bút - kí - Ở miền Nam trước năm 1975.

Theo ông tiết lộ mà trước đây chúng tôi có nhắc qua

(1) Lê Phương Chi, *Tâm tình văn nghệ sĩ*, NXB Thanh Niên, 2001. Nguyên văn năm 1965 đăng trên nguyệt san *Tin Sách* nay in thành sách như đã dẫn.

trong *Từ điển tác gia Văn hóa Việt Nam* (1999),⁽¹⁾ tính đến năm 1974 ông là tác giả gần một ngàn (1.000) truyện ngắn và tùy bút. Sau ngày qua Hoa Kỳ chữa bệnh và định cư bên ấy, ông vẫn còn nghiên cứu và sáng tác trong đó có một số truyện ngắn. Thế cho nên, trên báo *Văn Nghệ TP.HCM* (số 39 ngày 21-10-99) Thanh Việt Thanh (1930-2001) có bài viết “*Bình Nguyên Lộc nhà văn có hơn 1001 truyện ngắn*”⁽²⁾ là có căn cứ. Như đã viết ở trên, chúng tôi cho ông là cây bút sung mãn vì với số lượng truyện ngắn ấy thì ở nước ta chưa có nhà văn nào có đủ *số ngàn truyện* như ông. Số lượng ấy, ông đã tập hợp lại in thành gần 30 tập kể từ năm 1950 đến năm 1970 tại Sài Gòn. Với 20 năm có sách ra đời - tất nhiên trong đó có một số truyện ông viết từ năm 1943 chứ không phải ghi tròn từ năm 1950 - đến với công chúng và các tác phẩm ông luôn được độc giả đón chào một cách nồng nhiệt. Và bên cạnh sự nồng nhiệt ấy là cả một tấm lòng mến mộ, đồng cảm với từng chủ đề nội dung [của mỗi truyện] mà tác giả muốn nhấn gởi đến bạn đọc xa gần.

Sau đây xin được kê các tập truyện của ông đã xuất bản theo thứ tự thời gian:

(1) Nguyễn Q. Thắng, *Từ điển Tác gia Văn hóa Việt Nam*, NXB Văn Hóa, 1999 mục từ Bình Nguyên Lộc, trang 26.

(2) Trong cuộc phỏng vấn do nhà văn Nguyễn Ngu Í thực hiện năm 1965 thì đến ngày 21-5-1966, ông đã có 820 truyện ngắn in trong 5 tập (gồm *Nhốt gió, Tân liễu trai, Kí thác, Tâm trạng hồng, Mưa thu nhớ tầm* và sau năm 1966-1974 gồm *Tình đất, Những bước lang thang... Thăm lặng, Diễm Phượng, Cuống rún chưa lìa* thì con số trên 1000 truyện ngắn là điều có thật 100%. Ngoài ra, ông còn hàng chục tập truyện khác chưa in cũng như tiểu thuyết.